

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 215/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 29-4-2021  
V/v tranh chấp ly hôn, về nuôi  
con giữa anh D với chị V

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Thi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.
2. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 619/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn, về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1985 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: số 124, tổ 04, ấp Bình Yên, xã BT, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Chị Đoàn Thị V, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: số 124, tổ 04, ấp Bình Yên, xã BT, huyện C, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 19/10/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn D trình bày:*

1. Về hôn nhân: Anh và chị V kết hôn năm 2006 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện C, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung

sống hạnh phúc nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh chị đã ly thân từ tháng 1 năm 2018 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, xin được ly hôn với chị V.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Đoàn Nhựt Phong, sinh năm 2006, hiện cháu Phong sống chung với anh D. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và anh không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn chị Đoàn Thị V vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện, bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt đúng quy định các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Anh D và chị V kết hôn có đăng ký kết hôn theo quy định là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, anh chị ly thân hơn 03 năm, cho thấy anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh D yêu cầu ly hôn là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh D.

- Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Đoàn Nhựt Phong, sinh năm 2006, hiện cháu Phong sống chung với anh D. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, cháu Phong có nguyện vọng được sống chung với anh D, nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Phong cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Bản photo chứng minh nhân dân tên anh D, chị V; bản sao giấy khai sinh cháu Phong; Bản sao giấy chứng nhận kết hôn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp của các đương sự là về ly hôn, về nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thu thập chứng cứ: Tòa án tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D với chị V thể hiện việc mâu thuẫn giữa anh D với chị V địa phương không rõ, do anh chị không nhờ Ban áp hòa giải.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh D và chị V đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện C, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 20, ngày 21/02/2006. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Anh chị đã ly thân nhau từ tháng 1 năm 2018 cho đến nay.

Xét quan hệ hôn nhân của anh D và chị V, Hội đồng xét xử nhận định: Anh, chị đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định, là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ và chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn đã ly thân nhau hơn 03 năm, mối quan hệ vợ chồng là mối quan hệ dài lâu và bền vững, vợ chồng phải thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau chung sống xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy con, nhưng anh chị không làm vậy, anh chị ly thân không còn sống chung với nhau. Thời gian ly thân là thời gian để vợ chồng suy ngẫm lại mối quan hệ, suy ngẫm lại tình cảm của mình mà hàn gắn lại quan hệ vợ chồng, nhưng anh không hàn gắn được. Anh, chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ và chồng trong thời kỳ hôn nhân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh D yêu cầu ly hôn với chị V là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh D đối với chị V.

[2.2] Về con chung: anh D và chị V có 01 con chung tên Nguyễn Đoàn Nhựt Phong, sinh năm 2006, hiện cháu Phong sống chung với anh D. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, cháu Phong có nguyện vọng được sống chung với anh D. Xét yêu cầu của anh D và nguyện vọng của cháu Phong, để tạo điều kiện cho cháu phát triển toàn diện về mọi mặt, ổn định tinh thần, sinh sống và học tập của cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Phong cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D đối với chị Đoàn Thị V.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D được ly hôn với chị Đoàn Thị V.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 20, ngày 21/02/2006 của anh Nguyễn Văn D đối với chị Đoàn Thị V được Ủy ban nhân dân xã BT, huyện C, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn D đối với chị Đoàn Thị V có 01 con chung tên Nguyễn Đoàn Nhật Phong, sinh năm 2006. Hiện cháu Phong đang sống chung với anh D. Giao cháu Phong cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí anh D đã nộp theo biên lai thu số: 0008467 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã BT;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Thi**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lý Khắc Chung Nguyễn Hoàng Tuấn**

**Lê Thị Hồng Thi**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND thị trấn Cái Dầu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Thi**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**